TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/**2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12/06/2025
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Loan

Bà Nguyễn Thị Việt

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Tuấn là Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 06 năm 2025, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 357/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 04 năm 2025, về việc "*Ly hôn*"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 05 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 65/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30/05/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị A**, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: F, ấp L, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hồng Q**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Số A, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 04 năm 2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Nguyễn Thị A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện, chị A và anh Q quen biết nhau một thời gian thì đi đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 08/06/2012.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại gia đình bên chồng. Trong quá trình chung sống thì chị Á mới phát hiện là anh Q sử dụng chất kích thích. Chị A

và gia đình bên chồng đã đưa anh Q đi cai nghiện tự nguyện nhiều lần tại cơ sở trên B. Anh Q không chịu tu chí làm ăn, suốt ngày uống rượu, nếu có đi làm kiếm được tiền cũng không đưa về cho chị A lo cuộc sống của gia đình. Mỗi khi say xỉn anh Q lại chửi bới, xúc phạm chị A và gia đình chị A. Ngoài ra, khi không kiểm soát được hành động của mình thì anh Q còn hành hung, hăm dọa chị A. Tuy nhiên, chị A không báo chính quyền địa phương những sự việc xảy ra vì muốn cho anh Q một cơ hội để thay đổi. Do không thể chịu đựng được cuộc sống như trên nên chị A đã về nhà mẹ ruột sinh sống từ năm 2022 cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân anh Q cũng đến nhà chửi bới, xúc phạm đến chị A và người nhà chị A. Đến nay, vợ chồng không thể hòa giải, đoàn tụ được do mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 18 tháng 04 năm 2025, bị đơn - anh Nguyễn Hồng Q trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hồng Q và chị Nguyễn Thị A quen biết nhau được ba năm thì tiến tới hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 08/06/2012. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại gia đình bên nội, cuộc sống rất hạnh phúc. Khoảng ba năm gần đây, anh Q đi giúp việc cho em gái bán nông sản nên ít có thời gian về nhà. Anh Q đi làm trên Đơn Dương Lâm Đ. Thời gian đầu một tháng chị A lên một lần. Sau đó mẹ vợ bị gãy tay nên chị A về chăm mẹ tại xã Q, do đó hai vợ chồng ít gặp nhau. Vì nhớ chị A nên buổi tối anh Q có uống chút rượu và gọi điện cho chị A để hỏi thăm thì chị A cứ lè nhè làm anh Q bực mình và anh Q dùng những lời khó nghe la mắng chị A. Sau đó, chị A có gọi điện nói anh Q còn uống rượu thì sẽ không sống chung nữa, nên anh Q đã cố gắng không uống rượu và biết quan tâm gia đình, tập trung làm việc để xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện nay, hai vợ chồng đang sống ly thân. Tết vừa rồi anh Q có đến thăm gia đình chị A và hai vợ chồng cũng nói chuyện với nhau bình thường. Mấy năm gần đây anh Q có tính hay ghen nên vợ chồng có lời qua tiếng lại dẫn đến mâu thuẫn. Nay chị A yêu cầu được ly hôn với anh Q thì anh Q không đồng ý ly hôn với chị A vì anh cũng còn thương chị A.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ lần thứ hai nhưng

vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án*:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Hồng Q được ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng chung sống không có con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

[1.1] Anh Nguyễn Hồng Q có đăng thường trú và sinh sống tại: Số A, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị A có yêu cầu ly hôn với bị đơn - anh Nguyễn Hồng Q. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Ly hôn".

[1.3] Về tư cách đương sự: Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xác định chị Nguyễn Thị A là nguyên đơn, anh Nguyễn Hồng Q là bị đơn.

[1.4] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

- Ngày 08/05/2025, chị A có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Q, thông báo cho anh Q biết thời gian mở lại phiên tòa. Tại phiên tòa, anh Q tiếp tục vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Q.

[2] **Về nội dung vụ án**:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Hồng Q tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 08/06/2012. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị Á và anh Q là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Qua trình bày của các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy sau khi kết hôn một thời gian, cuộc sống chung của vợ chồng chị A và anh Q đã xảy ra mâu thuẫn. Trong cuộc sống chung vợ chồng anh chị đã thiếu sự tin tưởng, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên xảy ra bất hòa. Nguyên nhân chủ yếu là do anh Q thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình với chị A. Những lời nói, hành động của anh Q làm cho chị A lo sợ, dần dần dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Chị A cùng gia đình chồng đã nhiều lần đưa anh Q đi cai nghiện, tuy nhiên anh Q vẫn không thay đổi bản thân, không ý thức được trách nhiệm của mình đối với gia đình. Do mâu thuẫn đã trầm trọng nên từ năm 2022 đến nay, hai vợ chồng đã sống ly thân. Trong thời gian hai vợ chồng sống ly thân, anh chị cũng ít quan tâm đến cuộc sống của nhau và cũng ít hỏi thăm nhau. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Q đến tòa tham gia giải quyết, hòa giải đoàn tụ cùng chị Á nhưng anh Q không hợp tác. Điều đó cho thấy anh Q không có thiện chí muốn hòa giải cùng với chị A để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Theo biên bản xác minh ngày 22/04/2025, địa phương cho biết: *" ... Hiện nay anh Q và chị Á không sống chung cùng nhau từ năm 2022 ..."*.

Xét mâu thuẫn giữa chị A và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị A là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng chung sống không có con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị A và anh Q đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] **Về án phí**: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] **Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất:** Về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo**: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 51, 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị A.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Hồng Q được ly hôn.

2. *Về con chung*: Vợ chồng chung sống không có con chung.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0008702 ngày 08 tháng 04 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Nguyễn Thị A đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất;
  (GNCKH số 61/2012)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết Hạnh